

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚC THỌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 11 - 12 - 2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Tuân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc và ông Lê Xuân Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Khuất Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 165/2023/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 27/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2023/QĐ-HNGĐ ngày 07/12/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Phương T1**, sinh năm 1995. Nơi thường trú: Tổ dân phố số 6, thị trấn Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội; có mặt

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Thành T2**, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Tổ dân phố số 6, thị trấn Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. Chỗ ở hiện nay: Căn hộ 0407, tầng 4, tòa Pearl 2, chung cư Mỹ Đình Pearl, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo của chị Nguyễn Thị Phương T1 là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thành T2 kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 01/11/2018 tại UBND thị trấn Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. Sau khi cưới, vợ chồng chị thuê nhà ở trung tâm Hà Nội để thuận lợi cho công việc. Trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh T2 thường xuyên ra ngoài tụ tập bạn bè, uống rượu, nhiều hôm đi qua đêm không về nhà. Từ năm 2022 chị phát hiện anh T2 có người phụ nữ khác. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T2 không thay đổi nên từ tháng 02/2022 chị và con đã về gia đình bố mẹ chị tại tổ dân phố số 6, thị trấn Phúc Thọ còn anh T2 vẫn sống ở căn hộ vợ chồng đã thuê. Trong suốt thời gian vợ chồng sống ly thân, anh T2 không gọi điện hỏi thăm con, không gọi điện cho chị. Xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên chị xin ly hôn anh T2 để ổn định cuộc sống cho cả hai.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh Anh, sinh ngày 05/06/2019. Từ nhỏ cho đến nay, cháu Anh đều do chị chăm sóc, nuôi dưỡng, ly hôn chị nhận nuôi con và không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, chị đang là chuyên viên của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, thu nhập mỗi tháng là 14 triệu đồng. Chị đang chung sống cùng gia đình nên có hỗ trợ từ bố mẹ đẻ, với mức thu nhập đó, ổn định cuộc sống của hai mẹ con mà không cần anh T2 cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Bị đơn là anh Nguyễn Thành T2 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đến Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Anh T2 đã biết Tòa án huyện Phúc Thọ đang giải quyết vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của chị Thảo nhưng do công việc nên anh đã không đến Tòa án làm việc. Do vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được và không lấy được lời khai của anh T2

* Anh Nguyễn Đình K là em trai anh T2 trình bày: Anh là sinh viên năm thứ 3 của trường Cao đẳng FPT, anh đang sống cùng anh Trung tại căn hộ 0407, tầng 4, tòa Pearl 2, chung cư Mỹ Đình Pearl. Anh T2 đã nhận được các văn bản tố tụng và giấy triệu tập của Tòa án nhưng do công việc, anh T2 đã không về Tòa án làm việc. Hiện nay, anh T2 đang bán hàng quần áo online trên mạng và trên các trang điện tử, anh T2 thường chốt đơn hàng đến đêm muộn mới nghỉ. Ban ngày, anh T2 thường xuyên ngủ dậy muộn hoặc có ngày phải đi lấy hàng. Anh biết được vợ chồng anh T2 có mâu thuẫn nên từ tháng 02/2022 chị T1 và con đã về gia đình bố mẹ đẻ chị T1 sinh sống, anh Trung vẫn ở căn hộ thuê, anh Trung đã gọi anh về sống cùng. Trong suốt thời gian anh ở cùng anh T2, anh không thấy chị T1 đến gặp anh T2 và anh cũng không thấy anh T2 nói chuyện là đi thăm chị T1.

* Bố đẻ chị T1 là ông Nguyễn Mạnh T3 trình bày: Năm 2018 chị T1 kết hôn với anh T2. Sau khi cưới, vợ chồng anh chị thuê nhà ở trung tâm Hà Nội để thuận lợi cho việc đi lại. Ngày nghỉ cuối tuần, anh chị có về nhà ông chơi. Thời gian đầu, vợ chồng anh chị sống hạnh phúc, thời gian tiếp theo chị T1 sinh con, vợ chồng anh T2 về ở cùng với gia đình ông. Ông thấy, anh chị có mâu thuẫn, vợ chồng

không chia sẻ công việc với nhau. Đến khi cháu cứng cáp, vợ chồng anh T2 xuống Hà Nội thuê nhà ở. Sau đấy, chị T1 thường xuyên than phiền với gia đình, cuộc sống hôn nhân của anh chị không có hạnh phúc, anh T2 thường xuyên đi uống rượu qua đêm không về và anh T2 có người phụ nữ khác. Từ tháng 02/2022 chị T1 và con đã về gia đình ông ở. Từ khi chị Thảo về nhà ông đến nay, chưa lần nào anh T2 đến thăm con và gọi điện cho chị T1. Chị T1, anh T2 có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh Anh, ly hôn, gia đình ông có nguyện vọng được nuôi cháu. Anh T2 không quan tâm gì đến con. Lúc cháu Anh nằm ở Bệnh viện Hồng Ngọc điều trị, gần nơi anh T2 đang ở, anh T2 được thông báo nhưng cũng không thấy ra thăm con. Ông đã về hưu và có lương hưu, vợ ông đang làm giáo viên. Gia đình ông có thời gian và điều kiện kinh tế để hỗ trợ chị T1 chăm sóc con.

* Chính quyền địa phương cung cấp: Sau khi kết hôn vợ chồng chị T1 thuê nhà ở trung tâm Hà Nội, ngày nghỉ lễ, ngày chủ nhật anh chị mới về địa phương. Từ tháng 02/2022 chị T1 và con đã về gia đình bố mẹ đẻ chị ở, không thấy anh T2 về sống cùng. Chị T1 có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Công an phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm cung cấp: Anh Nguyễn Thành T2, có nơi cư trú: Tổ dân phố số 6, thị trấn Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ. Hiện nay anh T2 đang ở: Căn hộ 0407, tầng 4, tòa Pearl 2, chung cư Mỹ Đình Pearl, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Anh Trung không đăng ký tạm trú tại căn hộ trên.

Tại phiên tòa: Chị T1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn anh T2 và được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương T1. Chị Nguyễn Thị Phương T1 được ly hôn anh Nguyễn Thành T2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Anh, sinh ngày 05/06/2019 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T2 cho đến khi có yêu cầu mới. Chị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Phương T1 xin ly hôn anh Nguyễn Thành T2 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị trấn Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ và quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã thụ lý vụ án theo đơn xin ly hôn của chị T1 và đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật đối với các bên đương sự trong vụ án. Anh T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Phương T1 và anh Nguyễn Thành T2 xác lập trên cơ sở kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội ngày 01/11/2018 nên xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Sau khi kết hôn, chị T1 và anh T2 chung sống hạnh phúc và có 01 con chung. Thời gian tiếp theo thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T2 không chia sẻ công việc gia đình cùng chị T1. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2022 và không quan tâm đến nhau. Chị T1 xác định không còn tình cảm vợ chồng và xin được ly hôn anh T2. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T1 và anh T2 không còn gắn bó, vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị T1 xin ly hôn anh T2 là có căn cứ.

Về con chung: Anh T2 và chị T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh Anh, sinh ngày 05/06/2019 hiện đang ở cùng chị T1. Ly hôn, chị T1 xin tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, kể từ khi chị T1, anh T2 sống ly thân, cháu Anh được chị T1 nuôi dưỡng chăm sóc khỏe mạnh. Chị T1 có công việc và thu nhập ổn định. Vì vậy, giao con chung cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng vào thời điểm hiện tại sẽ phù hợp hơn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T1 không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T2 cho đến khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Về tài sản chung: Chị T1 xác định vợ chồng không có tài sản chung và không nợ ai. Hồ sơ không có ý kiến của anh T2 về các quan hệ này. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự, Tòa án không giải quyết về tài sản chung trong vụ án này.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương T1

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương T1 được ly hôn anh Nguyễn Thành T2

1.2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Minh Anh, sinh ngày 05/06/2019 cho chị Nguyễn Thị Phương T1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

1.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Thành T2 cho đến khi có yêu cầu mới. Anh T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

1.4. Về tài sản chung và nợ: Không giải quyết

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013024 ngày 03/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo qui định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND huyện Phúc Thọ;
 - Chi cục THADS huyện Phúc Thọ;
 - TAND thành phố Hà Nội;
 - UBND thị trấn Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ
- (Số 56 ngày 01/11/2018)
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Xuân Tuân

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Hoàng Xuân Tuân